

BIỂU 52. Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số ngủ có màn

STT	Tên dân tộc	Tỷ lệ hộ DTTS ngủ có màn/mùng (%)
Chung cho các hộ dân tộc thiểu số theo DT		95,8
1	Tày	99,1
2	Thái	99,2
3	Mường	99,1
4	Khmer	97,3
5	Hoa	60,1
6	Nùng	99,0
7	Mông	94,0
8	Dao	98,5
9	Gia Rai	98,2
10	Ế Đê	98,6
11	Ba Na	96,3
12	Sán Chay	99,1
13	Chăm	92,3
14	Cơ Ho	98,1
15	Xơ Đăng	98,1
16	Sán Diu	99,2
17	Hrê	96,8
18	Raglay	94,7
19	Mnông	98,7
20	Thổ	98,8
21	Xtiêng	98,4
22	Khơ mú	97,4
23	Bru Vân Kiều	94,0
24	Cơ Tu	97,4
25	Giáy	98,6
26	Tà Ôi	98,0
27	Mạ	98,8
28	Gié Triêng	98,3
29	Co	97,9
30	Chơ Ro	98,3
31	Xinh Mun	99,5
32	Hà Nhì	97,2
33	Chu Ru	98,4
34	Lào	98,6
35	La Chí	98,6
36	Kháng	99,8
37	Phù Lá	98,9
38	La Hủ	90,3
39	La Ha	98,8
40	Pà Thên	98,7
41	Lự	99,5
42	Ngái	100,0
43	Chứt	94,1
44	Lô Lô	97,4

STT	Tên dân tộc	Tỷ lệ hộ DTTS ngủ có màn/mùng (%)
45	Mảng	73,6
46	Cơ Lao	92,7
47	Bố Y	99,1
48	Cống	98,4
49	Si La	98,8
50	Pu Péo	98,3
51	Rơ Măm	98,0
52	Brâu	99,2
53	Ơ Đu	98,9